

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2020

Bảng 1: Ký hiệu trường, mã ngành, tên ngành, tổ hợp môn xét tuyển và các thông tin cần thiết khác

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã ngành	Môn thi/ bài thi xét tuyển (Mã tổ hợp môn)	Tổng chỉ tiêu	Học phí năm học 2020- 2021 (nghìn đồng/ tín chỉ)	Các thông tin cần thiết khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG	KTD			2.056		<p>1. Trường tổ chức xét tuyển các môn văn hóa; tổ chức thi tuyển môn Vẽ mỹ thuật và xét tuyển theo kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật (môn Vẽ mỹ thuật, môn Hình họa, môn Bố cục màu ...) của thí sinh đã dự thi các môn này tại các trường đại học trên toàn quốc trong cùng năm tuyển sinh. Môn Vẽ mỹ thuật phải đạt từ 4,0 điểm trở lên.</p> <p>2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:</p> <p>- Đối với PT1: Trường sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020, sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và Công thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT.</p> <p>- Đối với PT2: Thí sinh có kết quả học tập ở THPT đạt được các mức điểm sau (theo 1 trong 4 cách tính):</p> <p style="text-align: center;">+ Cách 1: Tổng điểm trung bình của 3 môn</p>
Địa chỉ: số 566, đường Núi Thành, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (0236)-2210030/ 2210031/ 2210032/ 2247176/ 2212256. Website: www.dau.edu.vn; Email: infor@dau.edu.vn.						
Các ngành Năng khiếu						
Kiến trúc (<i>chất lượng cao</i>)		7580101	1. Vẽ MT, Toán, Lý (V00) 2. Vẽ MT, Toán, Văn (V01) 3. Vẽ MT, Toán, Tiếng Anh (V02) 4. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	300	770	
Quy hoạch vùng và đô thị		7580105		30	715	
Thiết kế nội thất		7580108		100		

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã ngành	Môn thi/ bài thi xét tuyển (Mã tổ hợp môn)	Tổng chi tiêu	Học phí năm học 2020- 2021 (nghìn đồng/ tín chỉ)	Các thông tin cần thiết khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Thiết kế đồ họa		7210403	1. Vẽ MT, Toán, Lý (V00) 2. Vẽ MT, Toán, Văn (V01) 3. Vẽ MT, Toán, Tiếng Anh (V02) 4. Vẽ MT, Văn, Bó cục màu (H00)	0		văn hóa ở lớp 12 trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 18,0 (đối với các tổ hợp có 2 môn văn hóa và 1 môn năng khiếu, thì tổng điểm trung bình của 2 môn văn hóa không nhỏ hơn 12,0; đối với tổ hợp có 1 môn văn hóa và 2 môn năng khiếu, thì điểm trung bình của môn văn hóa (môn Ngữ văn) không nhỏ hơn 6,0; các môn năng khiếu không nhỏ hơn 4,0); hoặc: + Cách 2: Điểm trung bình chung của tất cả các môn văn hóa ở lớp 12 không nhỏ hơn 6,0; các môn năng khiếu không nhỏ hơn 4,0; hoặc: + Cách 3: Tổng điểm trung bình của 3 môn văn hóa ở năm học lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 (ở 5 học kỳ) trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 18,0 (đối với các tổ hợp có 2 môn văn hóa và 1 môn năng khiếu, thì tổng điểm trung bình của 2 môn văn hóa không nhỏ hơn 12,0; đối với tổ hợp có 1 môn văn hóa và 2 môn năng khiếu, thì điểm trung bình của môn văn hóa (môn Ngữ văn) không nhỏ hơn 6,0; các môn năng khiếu không nhỏ hơn 4,0), hoặc: + Cách 4: Điểm trung bình chung của tất cả các môn văn hóa ở năm học lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 (ở 5 học kỳ) không nhỏ hơn 6,0; các môn năng khiếu không nhỏ hơn 4,0). 3. Điểm trúng tuyển đối với mỗi ngành và mỗi phương thức xét tuyển được xác định căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành đào tạo dành
Các ngành Kỹ thuật, Công nghệ						
Kỹ thuật xây dựng (Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp)		7580201	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	300	670	
Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Xây dựng Cầu - Đường)		7580205		100		
Kỹ thuật Cơ sở hạ tầng		7580210		50		
Quản lý Xây dựng		7580302		50		
Công nghệ thông tin		7480201		150		
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		7510301		100		
Các ngành Kinh tế và Du lịch						
Kế toán		7340301	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	180	620	
Tài chính - Ngân hàng		7340201		90		

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trường	Mã ngành	Môn thi/ bài thi xét tuyển (Mã tổ hợp môn)	Tổng chi tiêu	Học phí năm học 2020- 2021 (nghìn đồng/ tín chỉ)	Các thông tin cần thiết khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Quản trị kinh doanh		7340101		200		<p>cho mỗi phương thức.</p> <p>4. Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển của thí sinh, không phân biệt tổ hợp môn xét tuyển và thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng. Nếu các thí sinh có điểm xét tuyển như nhau ở cuối danh sách, dẫn đến vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh, thì Trường xét trúng tuyển đối với thí sinh ĐKXT có điểm của môn sau đây trong tổ hợp môn xét tuyển cao hơn: Môn Vẽ mỹ thuật đối với các ngành năng khiếu; Môn Toán đối với các ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và các ngành: Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Thiết kế nội thất (nếu thí sinh ĐKXT theo tổ hợp A01); Môn Tiếng Anh đối với các ngành ngoại ngữ. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu tuyển sinh, thì Trường ưu tiên thí sinh ĐKXT có nguyện vọng cao hơn.</p>
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		7810103		150	670	
Các ngành Ngoại ngữ						
Ngôn ngữ Anh: + Tiếng Anh biên - phiên dịch + Tiếng Anh du lịch		7220201		150		
Ngôn ngữ Trung Quốc: + Tiếng Trung Quốc biên-phiên dịch		7220204	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) 4. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)	106	620	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2020 *thc*



Phạm Anh Tuấn